

Bản án số: 974/2018/KDTM-ST

Ngày: 20/9/2018

V/v tranh chấp hợp đồng thi công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hải

2. Ông Nghiêm Xuân Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 683/2017/TLST-KDTM ngày 13 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2018/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2018; quyết định hoãn phiên tòa số 84/2018/QĐ-ST ngày 05 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty H.Đ.

Địa chỉ trụ sở chính: XX đường Y, phường Z, Thành phố T, tỉnh Tiền Giang.

Ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. (Văn bản ủy quyền ngày 29 tháng 5 năm 2017) (có mặt)

Trú tại: AA đường B, khu phố C, Phường D, Thành phố T, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Trọng K - Luật sư thuộc Chi nhánh Văn phòng Luật sư Võ Trọng K thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Công ty H.K.N.

Địa chỉ trụ sở chính: số SS đường H, phường M, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. (Đăng ký thay đổi lần thứ 12, ngày 12 tháng 5 năm 2015)

Địa chỉ mới trụ sở chính: số B, đường M, khu dân cư CL, phường K, quận Gò Vấp,

Thành phố Hồ Chí Minh. (Đăng ký thay đổi lần thứ 13, ngày 21 tháng 11 năm 2017)

Ông Đỗ Văn Đ là người đại diện theo pháp luật (có mặt).

Trú tại: số B, đường M, khu dân cư CL, phường K, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 6 năm 2017, nguyên đơn Công ty H.Đ và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 01 tháng 3 năm 2016 Công ty H.Đ (viết tắt là Công ty H.Đ) ký hợp đồng kinh tế số 01/HĐ.2016 với Công ty H.K.N (viết tắt là Công ty H.K.N) (là chủ đầu tư) để thi công san lấp hạng mục san nền “Gói thầu công viên nghĩa trang nhân dân Mỹ Phước Tây”, tại: ấp Láng Biển, xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Nội dung thỏa thuận: Công ty H.Đ cung cấp cát và vận chuyển san lấp tới chân công trình, đơn giá cát san lấp là 75.000 đồng/m³ (đơn giá đã bao gồm VAT 10%). Nếu quá hạn thanh toán chậm, Công ty H.K.N phải chịu phạt 2%/tháng trên tổng số tiền chưa thanh toán.

Ngày 05 tháng 8 năm 2016, Công ty H.Đ và Công ty H.K.N ký Biên bản nghiệm thu khối lượng về việc xác nhận khối lượng cát san lấp đã thực hiện với nội dung: khối lượng cát san lấp đã cung cấp lên mặt bằng là 74.943,4 m³; khối lượng cát san lấp dư thừa là 3.914 m³. Người đại diện theo pháp luật hai công ty đã ký tên và đóng dấu xác nhận.

Sau đó, Công ty H.K.N đã thanh toán một phần tiền cho Công ty H.Đ, số tiền 300.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 21/10/2016 thanh toán 100.000.000 đồng.
- Ngày 27/02/2017 thanh toán 200.000.000 đồng.

Công ty H.Đ đã nhiều lần liên lạc với Công ty H.K.N để yêu cầu thanh toán số tiền còn lại nhưng Công ty H.K.N cứ hứa hẹn hết lần này đến lần khác, trốn tránh thanh toán nợ cho Công ty H.Đ.

Ngày 27 tháng 5 năm 2017 Công ty H.K.N đơn phương ký tên đóng dấu gửi biên bản nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng, với nội dung tổng khối lượng cát san lấp là 78.800m³.

Nay nguyên đơn khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty H.K.N phải thanh toán cho Công ty H.Đ số tiền là 5.614.305.000 (Năm tỷ sáu trăm mười bốn triệu ba trăm lẻ năm nghìn đồng) (78.857,4m³ x 75.000

đồng/m³ = 5.914.305.000 đồng – 300.000.000 đồng) và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 28/02/2017 đến ngày 20/9/2018 là 18 tháng 22 ngày (10%/năm), tương đương 872.949.570 (Tám trăm bảy mươi hai triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm bảy mươi đồng), trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa: Luật sư Võ Trọng K đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Nguyễn Văn T thống nhất đề nghị của Luật sư.

Trong văn bản ngày 12 tháng 8 năm 2017 và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là Công ty H.K.N có ông Đỗ Văn Đ là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 01 tháng 3 năm 2016 Công ty H.K.N ký hợp đồng kinh tế số 01/HĐ.2016 với Công ty H.Đ. Thực hiện hợp đồng này, Công ty H.Đ và Công ty H.K.N đã ký biên bản ngày 05 tháng 8 năm 2016. Công ty H.K.N đã thanh toán một phần cho Công ty H.Đ số tiền 300.000.000 đồng, gửi biên bản nghiệm thu ngày 27 tháng 5 năm 2017 như nguyên đơn trình bày.

Tuy nhiên, Công ty H.Đ không thực hiện theo Điều 2 của Hợp đồng và công nhận Trọng tài là Tư vấn giám sát. Công ty H.Đ cho người đến đóng chốt tại dự án, đe dọa bảo vệ, công nhân đang thi công tại dự án. Công ty H.K.N có văn bản gửi Công an xã Mỹ Phước Tây báo cáo về việc đề nghị giúp đỡ ổn định trật tự tại Công viên Nghĩa trang nhân dân Mỹ Phước Tây, có xác nhận của Công an ngày 29/3/2017.

Theo biên bản nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng ngày 28 tháng 7 năm 2016 giữa Công ty H.K.N và Công ty T.P (viết tắt là Công ty T.P) – Giám sát thi công xây dựng kết luận: Không đồng ý nghiệm thu. Yêu cầu thoát nước cho nền cát san lấp.

Theo biên bản nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng ngày 16 tháng 01 năm 2017 giữa Công ty H.K.N và Công ty T.P kết luận: Đồng ý nghiệm thu hoàn thành về khối lượng san lấp, bàn giao đưa công trình vào sử dụng. Độ chặt nghiệm thu là 0.85. Tổng khối lượng cát san lấp theo thực tế là 68.292,4m³.

Tại phiên tòa: Công ty H.K.N chấp nhận tổng khối lượng cát san lấp theo thực tế là 68.292,4m³ theo biên bản nghiệm thu ngày 16 tháng 01 năm 2017, làm cơ sở thanh toán tiền cho nguyên đơn. Cụ thể 75.000 đồng/m³ x 68.292,4m³ = 5.121.930.000 đồng (đơn giá đã bao gồm VAT 10%). Nguyên đơn đồng ý ký nghiệm thu ngày 16/01/2017, bị đơn thanh toán 01 tỷ đồng ngay sau khi Tòa xử, thanh toán 01 tỷ đồng tiếp theo trong 03 tháng, số tiền còn lại tất toán trong 03 tháng tiếp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ

khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiến nghị Tòa án về thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ điều 306 Luật Thương mại năm 2005, điều 76 Luật Xây dựng, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đương sự khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ trên, đương sự không còn chứng cứ nào khác để cung cấp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ hợp đồng kinh tế số 01/HĐ.2016 ngày 01 tháng 3 năm 2016, biên bản nghiệm thu khối lượng về việc xác nhận khối lượng cát san lấp đã thực hiện ngày được ký và đóng dấu giữa Công ty H.Đ và Công ty H.K.N có cơ sở xác định vụ kiện tranh chấp hợp đồng thi công theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền: Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 12 tháng 5 năm 2015 Công ty H.K.N địa chỉ trụ sở chính: số SS đường H, phường M, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 21 tháng 11 năm 2017 Công ty H.K.N địa chỉ trụ sở chính: số B, đường M, khu dân cư CL, phường K, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án ngày 13 tháng 7 năm 2017. Do bị đơn thời điểm thụ lý địa chỉ trụ sở tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ hợp đồng kinh tế số 01/HĐ.2016 ngày 01 tháng 3 năm 2016 giữa Công ty H.Đ và Công ty H.K.N, có cơ sở xác định Công ty H.K.N có ký hợp đồng với Công ty H.Đ về việc thi công san lấp hạng mục san nền gói thầu công viên nghĩa trang nhân dân Mỹ Phước Tây, tại: ấp Láng Biên, xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đại diện theo pháp luật chủ đầu tư Công ty H.K.N và đơn vị thi công Công ty Tiến Đức cùng ký biên bản nghiệm thu khối lượng ngày 5 tháng 8 năm 2016, về việc xác nhận khối lượng cát san lấp đã thực hiện. Nội dung như sau: khối lượng cát san lấp đã cung cấp lên mặt bằng là 74.943,4 m³; khối lượng cát san lấp mường dọc là 3.914 m³. Tổng cộng 78.857,4m³. Bị đơn thừa nhận có

ký tên và đóng dấu Công ty vào biên bản nghiệm thu nêu trên. Tuy nhiên, do bị ép buộc và uy hiếp nên bị đơn phải ký tên và đóng dấu trên biên bản do nguyên đơn tự lập. Ngoài lời khai, bị đơn không có chứng cứ khác chứng minh do bị ép buộc hay uy hiếp. Ngay sau khi ký biên bản ngày 05/8/2016, bị đơn cũng không gửi văn bản phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều xác nhận số tiền bị đơn đã thanh toán một phần cho nguyên đơn 300.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 21/10/2016 thanh toán 100.000.000 đồng. Ngày 27/02/2017 thanh toán 200.000.000 đồng. Nội dung thanh toán: Công ty H.K.N trả tiền san lấp mặt bằng công viên nghĩa trang nhân dân Mỹ Phước Tây. Căn cứ Điều 4 của Hợp đồng, đơn giá cát san lấp là 75.000 đồng/m³ (đơn giá đã bao gồm VAT 10%). Nguyên đơn căn cứ biên bản về việc xác nhận khối lượng cát san lấp đã thực hiện, được ký với bị đơn và khoản tiền bị đơn đã thanh toán một phần, nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn lại là 5.614.305.000 (*Năm tỷ sáu trăm mười bốn triệu ba trăm lẻ năm nghìn đồng*) ($78.857,4\text{m}^3 \times 75.000 \text{ đồng/m}^3 = 5.914.305.000 \text{ đồng} - 300.000.000 \text{ đồng}$) là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu của Công ty H.K.N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.2.1] Đối với biên bản ngày 05 tháng 8 năm 2016, bị đơn thừa nhận có ký tên và đóng dấu Công ty vào biên bản nghiệm thu nêu trên, bị đơn khai do bị đe dọa giết chết nên phải ký tên và đóng dấu. Nhưng bị đơn không có chứng cứ chứng minh. Ngoài ra, ngày 27 tháng 5 năm 2017, Công ty H.K.N đơn phương tiếp tục ký tên đóng dấu với nội dung tổng khối lượng cát san lấp là 78.800m³ gửi qua đường bưu điện cho nguyên đơn. Bị đơn cũng cho rằng bị ép buộc nhưng không có chứng cứ chứng minh cũng không có sự xác nhận của nguyên đơn về khối lượng. Trong khi đó, cả nguyên đơn và bị đơn cùng ký tên và đóng dấu Công ty vào biên bản ngày 05/8/2016. Cho nên, Hội đồng xét xử thấy biên bản ngày 05/8/2016 thể hiện rõ ý chí của các bên đã xác nhận khối lượng cát san lấp được thực hiện.

[3.2.2] Biên bản ngày 28 tháng 7 năm 2016, bị đơn ký với Công ty T.P, không có nguyên đơn tham gia thành phần trực tiếp nghiệm thu.

Biên bản nghiệm thu ngày 16 tháng 01 năm 2017 giữa Công ty H.K.N và Công ty T.P – Giám sát thi công xây dựng kết luận: Tổng khối lượng cát san lấp theo thực tế là 68.292,4m³. Nay bị đơn đồng ý tổng khối lượng cát san lấp theo thực tế này làm cơ sở thanh toán tiền cho nguyên đơn. Nhưng trong biên bản này, cũng không có nguyên đơn tham gia thành phần trực tiếp nghiệm thu nên không đảm bảo tính khách quan. Bị đơn tiếp tục gửi cho nguyên đơn biên bản ngày 27/5/2017 với nội dung tổng khối lượng cát san lấp là 78.800m³.

Trong hồ sơ thể hiện có 04 (bốn) biên bản. Cụ thể: 01 biên bản được ký giữa nguyên đơn và bị đơn, 03 (ba) biên bản còn lại bị đơn tự lập và tự làm việc với Công ty T.P. Hai khối lượng cát bị đơn xuất trình cũng không có sự xác nhận của nguyên đơn. Trong nội dung hợp đồng số 01/HĐ.2016 các bên không thỏa thuận chỉ định Công ty T.P tiến hành nghiệm thu. Suốt quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền khối lượng cát còn lại chưa thanh toán. Cho nên, Hội

đồng xét xử không cần thiết đưa Công ty T.P tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Vì thực tế có việc san lấp cát tại gói thầu công viên nghĩa trang nhân dân Mỹ Phước Tây, tại: ấp Láng Biển, xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Các đương sự đều thừa nhận đã thực hiện xong việc san lấp cát, nên việc xem xét, thẩm định tại chỗ và kiểm định khối lượng cát là không cần thiết.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc Công ty H.K.N lấy tổng khối lượng cát san lấp theo thực tế là $68.292,4\text{m}^3$ theo biên bản nghiệm thu ngày 16 tháng 01 năm 2017 làm cơ sở thanh toán tiền cho nguyên đơn. Cụ thể $75.000 \text{ đồng/m}^3 \times 68.292,4\text{m}^3 = 5.121.930.000 \text{ đồng}$.

[3.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về trả tiền lãi trên số tiền chậm trả, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa, các đương sự không thương lượng, thỏa thuận với nhau. Nguyên đơn đề nghị buộc bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả tính từ ngày 28/02/2017 đến ngày 20/9/2018 là 18 tháng 22 ngày tương đương 872.949.570 (Tám trăm bảy mươi hai triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm bảy mươi đồng) (căn cứ 10%/năm).

Cụ thể: $0,83\%/tháng \times 18 \text{ tháng} \times 22 \text{ ngày} \times 5.614.305.000 \text{ đồng} = 872.949.570 \text{ đồng}$

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại, mức lãi suất quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng tại địa phương là 1,25%/tháng (10%/năm). Số tiền lãi được tính như sau:

$1,25\%/tháng \times 18 \text{ tháng} \times 22 \text{ ngày} \times 5.614.305.000 \text{ đồng} = 1.314.683.078 \text{ đồng}$.

Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi là 872.949.570 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy căn cứ Điều 6 của Hợp đồng, các bên thỏa thuận thời gian thanh toán 180 ngày sau khi hai bên ký nghiệm thu bàn giao. Theo biên bản ngày 05 tháng 8 năm 2016 được ký giữa Công ty H.Đ và Công ty H.K.N và ngày bị đơn thanh toán tiền lần 2 vào ngày 27 tháng 02 năm 2017 thì bị đơn đã vi phạm thời gian thanh toán. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở.

Do không chấp nhận việc bị đơn đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền 5.121.930.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không xét việc bị đơn yêu cầu thanh toán tiền thành 03 lần trong thời gian thanh toán 180 ngày (Điều 6 của Hợp đồng) ngay sau khi nguyên đơn ký biên bản nghiệm thu ngày 16/01/2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về tố tụng, kiến nghị Tòa án về thời hạn giải quyết vụ án và đề nghị về nội dung có cơ sở chấp nhận.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Theo quy định tại điểm b mục 1.4 khoản 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn phải chịu án phí là 114.487.255 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 306 Luật thương mại;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty H.K.N phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Thương mại Dịch vụ H.Đ số tiền 6.487.254.570 (Sáu tỷ bốn trăm tám mươi bảy triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi đồng). (Cụ thể: tiền gốc là 5.614.305.000 đồng và tiền lãi 872.949.570 đồng)

Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty H.K.N phải chịu 114.487.255 (Một trăm mười bốn triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi năm đồng).

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Thương mại Dịch vụ H.Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.976.000 (Năm mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 08567 ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án xử công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Kim Phụng

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN PHÚ NHUẬN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN TP. HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử gồm có

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Ngô Kim Phụng
- Hội thẩm nhân dân:

1/

2/

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Vào hồi giờ 00, ngày tháng năm 2018 tại phòng nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm đã nghị án đối với vụ án “Tranh chấp hợp đồng thi công” thụ lý số 683/2017/TLST-KDTM ngày 13/7/2017

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận và đã thông qua 3/3 ý kiến biểu quyết quyết định.

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 306 Luật thương mại;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty H.K.N phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Thương mại Dịch vụ H.Đ số tiền 6.487.254.570 (Sáu tỷ bốn trăm tám mươi bảy triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi đồng). (Cụ thể: tiền gốc là 5.614.305.000 đồng và tiền lãi 872.949.570 đồng)

Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty H.K.N phải chịu 114.487.255 (Một trăm mười bốn triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi năm đồng).

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Thương mại Dịch vụ H.Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.976.000 (Năm mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 08567 ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án xử công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Biên bản có 2 trang được đọc lại cho mọi người cùng nghe và ký tên.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa